TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K THÀNH PHỐ HÀ NỘI.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HS-ST
Ngày: 17/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chấn

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tú – thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Vượng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn V, sinh năm 1984; tại Bắc Ninh; Nơi cư trú: Số 27 ngách 604/33 T, phường T, quận B, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1958 và bà Lê Thị N, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Minh Ph- sinh năm 1988; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2021; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự theo danh chỉ bản số 56 do Công an huyện K lập ngày 15/01/2025: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 16/10/2011 bị Công an phường T, quận D xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và vũ khí thô sơ; đã chấp hành xong.

+ Ngày 05/01/2014 bị Công an quận B xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; đã chấp hành xong.

+ Ngày 16/01/2015 bị Công an quận B xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; đã chấp hành xong.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/01/2025 đến nay. "Có mặt"

2. **Đặng Đình T,** sinh năm 1989, tại Bắc Ninh; Hộ khẩu thường trú: N, , L Tài, Bắc Ninh; Chỗ ở: tổ 36, phường T, quận B, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do;

trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình Nc, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn Mai P, sinh năm 1996; con: Có 01 con sinh năm 2018, gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; tiền án, tiền sự theo danh chỉ bản số 599 do Công an huyện K lập ngày 05/12/2024, bị cáo có 01 tiền án: Tại Bản án số 251/HSST ngày 19/11/2021 bị Toà án nhân dân quận B xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Cố ý gây thương tích; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 16/01/2015 bị Công an phường T, quận B xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích.

+ Ngày 16/10/2011 bị Công an phường T, quận D xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và vũ khí thô sơ.

+ Ngày 05/01/2014 bị Công an quận B xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

+ Ngày 16/01/2015 bị Công an quận B xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 04/12/2024, chuyển tạm giam ngày 13/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an TP Hà Nội. “Có mặt”

3. Hán Văn L, sinh năm 1994, tại Phú Thọ; Hộ khẩu thường trú: Đ, xã T Luyện, huyện t, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: số 47 ngách 97/31 D, phường D, quận B, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hán Văn O, sinh năm 1943và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; tiền án, tiền sự theo danh chỉ bản số 598 do Công an huyện K lập ngày 05/12/2024 bị cáo có 01 tiền án: Ngày 19/11/2021 tại Bản án số 251/HSST bị Toà án nhân dân quận B xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Cố ý gây thương tích; tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 30/8/2016 bị Công an huyện Phú Thọ xử phạt hành chính về hành vi Mua dâm.

+ Ngày 30/10/2016 bị Công an huyện S, Phú Thọ xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc.

+ Ngày 10/9/2017 bị Công an quận B, Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Xâm hại sức khoẻ của người khác.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 02/12/2024, chuyển tạm giam ngày 13/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an TP Hà Nội. “Có mặt”

* Bị hại*:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội “Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Đào Thị D, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội "vắng mặt".

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện K, thành phố Hà Nội "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/7/2023, Nguyễn V cho anh Nguyễn Ngọc T vay số tiền 20.000.000 đồng, Việt hướng dẫn anh T viết giấy vay nợ với nội dung vay anh Nguyễn Minh Thanh số tiền 20.000.000 đồng để kinh doanh *(nhưng thực tế là vay của Việt, Nguyễn Minh Thanh là bạn bè xã hội của Việt nhưng Việt đã lâu không còn liên lạc, không biết địa chỉ của Thanh)*. Đến ngày 21/9/2023, Việt tiếp tục cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng, Việt hướng dẫn anh T viết giấy vay với nội dung vay của Hán Văn L để kinh doanh (nhưng thực tế là vay của Việt). Cả 2 lần vay trên Việt tính lãi suất với anh T là 0,02%/tháng. Tổng số tiền anh T nợ Việt là 30.000.000 đồng, cả hai lần vay thì Việt đều đưa tiền mặt trực tiếp cho anh T và giao dịch ở cửa hàng của Việt ở Thượng Thanh, B, Hà Nội. Sau đó anh T không trả được nợ nên Việt cho 02 người làm việc cho Việt, được Việt giao việc đi thu tiền lãi hàng ngày là Đặng Đình T và Hán Văn L đến nhà anh T tại D, T, K, để nhắc nợ. Do anh T không trả được nợ nên đến khoảng 15 giờ ngày 15/10/2024, Việt gọi điện bằng số điện thoại 0886.899.999 của Việt đến số điện thoại 0869.480.596 của Đặng Đình T, và gọi đến số 0333.285.102 của Hán Văn L bảo T và L đi ném chất bẩn, chất thải vào nhà anh Nguyễn Ngọc T với mục đích đe dọa uy hiếp tinh thần để anh T phải trả nợ số tiền 30.000.000 đồng thì T và L đồng ý. Sau khi nghe Việt bảo, T đi xin dầu luyn tại một cửa hàng sửa xe máy ở chợ T, B và mua mắm tôm tại một cửa hàng tạp hóa ở chợ T, B với giá 20.000 đồng/01 chai. Sau khi mua xong, T chia dầu luyn và mắm tôm cho vào 02 túi nilon trắng và dùng dây chun buộc đầu 02 túi nilon lại, cho vào 01 túi nilon màu đen mang đi cất giấu.

Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 16/10/2024, T điều khiển xe máy Vespa màu đỏ BKS 29K1-391.92 của T mang theo 01 túi nilon màu đen bên trong có 02 túi nilon trắng chứa dầu luyn và mắm tôm được trộn lẫn với nhau đến phòng trọ của L tại số 47 ngách 97/31 D, D, B và cất xe máy của T ở phòng trọ của L. Sau đó T bảo L chở T đi ném chất bẩn vào nhà anh T thì L đồng ý, L lấy xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, không mang biển kiểm soát chở T mặc áo mưa màu xanh lá cây ngồi sau đến nhà anh T ở D, T, K để ném chất bẩn để đòi nợ.

Khoảng hơn 04 giờ sáng ngày 16/10/2024, T và L đi đến nhà anh T, L dừng đỗ xe cách nhà anh T khoảng 10-15m, T xuống xe đi bộ đến nhà anh T, tay trái cầm túi nilon đen, tay phải T lấy ra 02 túi nilon chứa dầu luyn, mắm tôm pha trộn với nhau ném 01 túi

vào cửa xếp nhà và 01 túi vào cổng sân nhà anh T. Sau khi ném xong, L chở T đi về nhà L để T lấy xe của T, sau đó T gọi điện thông báo cho Việt biết việc T và L đã ném chất bẩn vào nhà anh T.

Trước khi đi ném chất bẩn vào nhà anh T để đòi tiền nợ, Việt có gặp và hứa với T và L sau khi ném chất bẩn vào nhà anh T và đòi được số tiền nợ thì Việt sẽ cho T 2.000.000 đồng, cho L 1.000.000 đồng tiền công. Số tiền công trên Việt chưa đưa cho T và L vì anh T chưa trả nợ Việt. Sau khi ném chất bẩn, chất thải, ngày 24/10/2024, Việt tiếp tục nhắn tin chửi bậy, gây áp lực tinh thần để anh T sợ phải trả nợ cho Việt. Ngoài anh T ra, Việt không cho ai khác vay mượn tiền. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu được Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố, anh Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị D cùng xác định gia đình không bị hư hỏng, thiệt hại gì về tài sản do hành vi ném chất bẩn, chất thải của các bị cáo gây ra nên đều không yêu cầu Nguyễn V và các bị cáo khác phải bồi thường thiệt hại về tài sản. Tuy nhiên anh T có yêu cầu các bị cáo bồi thường về tổn thất tinh thần nhưng anh T chưa đưa ra mức bồi thường cụ thể.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSGL, ngày 20/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo: Nguyễn V, Đặng Đình T và Hán Văn L phạm Tội "*Cưỡng đoạt tài sản"* theo quy định khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đến mức thấp nhất.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo, trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS:

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn V từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về UBND phường T, quận B, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS:

Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Đình T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024.

Đề nghị xử phạt bị cáo Hán Văn L từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024.

- Về hình phạt bổ sung:

Đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn V 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Đối với các bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và phải chấp hành hình phạt tù nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia màu xanh, số IMEI 354896088555159, lắp sim số 0886899999, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn V, ngày 15/10/2024, Việt dùng điện thoại trên để liên hệ với T và L để thực hiện hành vi phạm tội nên cần cho tịch thu sung công.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 11 Pro, màu đen, số IMEI 353249104667080, dung lượng 64 GB, đã qua sử dụng, thu giữ của Đặng Đình T. Ngày 15/10/2024, T sử dụng điện thoại trên để liên lạc với Việt thực hiện hành vi phạm tội cần tịch sung công.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max màu xanh, số IMEI: 357061221250898, lắp sim số 0332.285.102, đã qua sử dụng thu giữ của Hán Văn L. Ngày 15/10/2024, L sử dụng điện thoại trên để liên lạc với Việt thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS 19C1-486.01, số máy JA70E0069335, số khung: RLHJA3936PY051451, đã qua sử dụng, thu giữ của Hán Văn L. Quá trình sử dụng, xe của L bị tai nạn rơi BKS nên L cất BKS ở nhà trọ. Cơ quan điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe trên là Hán Văn L. Ngày 16/10/2024, L sử dụng chiếc xe máy trên chở T đi đến nhà anh T thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy đề nghị tịch thu sung công chiếc xe trên.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Xét thấy anh Nguyễn Ngọc T, chị Đào Thị D bà Nguyễn Thị N đã có lời khai trong quá trình điều tra, sự vắng mặt của anh T, chị D và bà N không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo Nguyễn V, Đặng Đình T và Hán Văn L tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023, anh Nguyễn Ngọc T vay của bị cáo Nguyễn V số tiền 30.000.000 đồng nhưng chưa trả, nên ngày 15/10/2024, bị cáo Nguyễn V thuê các bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L ném chất bẩn, chất thải vào nhà anh T để đe dọa, uy hiếp tinh thần anh T phải trả nợ số tiền 30.000.000 đồng, thì T và L đồng ý. Khoảng 4 giờ sáng ngày 16/10/2024, các bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L đi chung một xe máy Honda Wave màu xanh, không đeo BKS đến nhà anh T; T dùng tay phải ném 02 túi chất bẩn gồm dầu luyn pha với mắm tôm vào cửa nhà và sân nhà anh T. Sau khi ném chất bẩn, những ngày tiếp theo, Việt và T tiếp tục nhắn tin chửi bậy, đe dọa để anh T lo sợ phải trả số tiền 30.000.000 đồng cho Việt.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo: cáo Nguyễn V, Đặng Đình T và Hán Văn L về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*, tội danh và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, đe dọa tinh thần là các khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết về các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực sở hữu tài sản, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy hành vi của các bị cáo phải bị truy tố và xét xử bằng một Bản án và xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn V là người khởi xướng, các bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L là người thực hành tích cực nên vai trò của Việt cao hơn vai trò của T và L.

[4].Về nhân thân các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn V phạm tội lần này là lần đầu. Đối với các bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L đều đã bị kết án về tội "Cố ý gây thương tích", hành vi phạm tội lần này của các bị cáo bị coi là tái phạm cho thấy bị cáo T và bị cáo L có nhân thân xấu.

[5].Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L phạm tội lần này thuộc T hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6].Về tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do bị hại Nguyễn Ngọc T nợ bị cáo Việt tiền, bị cáo đã đòi tiền nhiều lần nhưng anh T không trả nên bị hại cũng có một phần lỗi nên được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn V đã tự nguyện nộp tiền xin tự nguyện khắc phục hậu quả để bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7].Về mức hình phạt:

Xét tính chất, mức độ phạm tội cùng nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn V phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, việc bị cáo phạm tội cũng có một phần lỗi của bị hại do bị hại nợ tiền bị cáo đã lâu không trả dẫn đến bị cáo bức xúc, hành động mất kiểm soát. Xét thấy bị cáo có khả năng cải tạo ngoài xã hội nhưng do bị cáo có vai trò chính nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức phạt tù cao hơn các bị cáo khác nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L: Mặc dù có vai trò thấp hơn bị cáo Việt nhưng do các bị cáo đều có nhân thân xấu, hành vi phạm tội lần này thuộc T hợp tái phạm nên không đủ điều kiện để cho các bị cáo được hưởng án treo theo hướng dẫn tại mục 6 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét: Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có trình độ và hiểu biết xã hội hạn chế nên Hội đồng xét xử thấy cần mở lượng khoan hồng đối với các bị cáo để các bị cáo mau chóng trở về với xã hội trở thành những người công dân có ích cho xã hội.

[8]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nhân thân của các bị cáo mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị áp dụng đối với cả ba bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên về mức hình phạt đối với bị cáo Việt có phần nghiêm khắc.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn V được cải tạo ngoài xã hội nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Việt. Đối với các bị cáo Đặng Đình T, Hán Văn L do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, lại phải chấp hành án phạt tù nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra, bị hại, người liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về vật chất, riêng anh Nguyễn Ngọc T có yêu cầu bị cáo Nguyễn V phải bồi thường về tổn thất tinh thần nhưng không đưa ra yêu cầu cụ thể. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/03/2025 của anh Nguyễn Ngọc T, anh T không có yêu cầu gì đối với tất cả các bị cáo về trách nhiệm dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Nguyễn V đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng vào Cơ quan Thi hành án dân sự huyện K để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy mặc dù bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nhưng đây là sự tự nguyện của bị cáo có lợi cho bị hại, thể hiện sự ăn năn, hối cải của bị cáo nên cần ghi nhận.

[11]. Về các vấn đề khác: Đối với số tiền công mà Việt hứa trả cho L và T, do các bị cáo chưa được nhận nên Hội đồng xét xử không yêu cầu các bị cáo phải truy nộp để sung quỹ nhà nước.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[12]. Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn V, Đặng Đình T và Hán Văn L phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn V 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn V cho Ủy ban nhân dân phường phường T, quận B, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 6 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với cả hai bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L:

Xử phạt bị cáo Đặng Đình T 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024.

Xử phạt bị cáo Hán Văn L 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2024.

-Về hình phạt bổ sung:

Phạt bị cáo Nguyễn V 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với đối với các bị cáo Đặng Đình T và Hán Văn L.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn V bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền là 10.000.000 đồng.

(hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tiền số 4176 ngày 12/3/2025).

4.Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh, số IMEI: 354896088555159, lắp sim số 0886899999 đã qua sử dụng, thu giữ của Nguyễn V; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 11 Pro, màu đen, số IMEI 353249104667080, dung lượng 64 GB, đã qua sử dụng, thu giữ của Đặng Đình T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max màu xanh, số IMEI: 357061221250898, lắp sim số 0332.285.102, đã qua sử dụng thu giữ của Hán Văn L để sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu sung công 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS 19C1-486.01, số máy JA70E0069335, số khung: RLHJA3936PY051451, đã qua sử dụng, thu giữ của Hán Văn L.

(Hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 02 năm 2025).

5.Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Áp dụng các Điều: 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn V, Đặng Đình T và Hán Văn L mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo
- VKSND huyện K
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- VKSND TP. Hà Nội
- Công an huyện K
- Chi cục THADS huyện K
- Sở tư pháp TP. Hà Nội
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Ngân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Số: 29/2024/TB-TA	*K, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ vào Điều 365 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét thấy cần sữa chữa do có sai sót, nhầm lẫn do đánh máy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 235/2024/HS-ST, ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện K xét xử bị cáo Phan Thị Cẩm Tú và đồng phạm

QUYẾT ĐỊNH:

Sữa chữa Bản án hình sự sơ thẩm số 235/2024/HS-ST, ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện K như sau:

- Tại dòng thứ 4 từ dưới lên tại trang 01 của bản án ghi: *"... con ông Bùi Quốc Toản, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Gái*"

Nay được sữa chữa như sau: *"... con ông Bùi Quốc Toản, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Gái*"

- Tại dòng thứ 23 từ trên xuống tại trang 03 của bản án ghi: *"... 15 tháng tù về tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức*"

Nay được sữa chữa như sau: *"... 15 tháng tù về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*"

- Tại dòng thứ 5 từ trên xuống tại trang 35 của bản án ghi: *"... được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2021*"

Nay được sữa chữa như sau: *"... được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2021*"

Nơi gửi:
- Các đương sự
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Tạ Thị Ngân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K

Số: 30/2024/TB-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

K, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ vào Điều 365 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét thấy cần sữa chữa do có sai sót, nhầm lẫn do đánh máy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 235/2024/HS-ST, ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện K xét xử bị cáo Phan Thị Cẩm Tú và đồng phạm

QUYẾT ĐỊNH:

Sữa chữa Bản án hình sự sơ thẩm số 235/2024/HS-ST, ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện K như sau:

- Tại dòng thứ 03 từ trên xuống tại trang 35 của bản án ghi: *"...làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức*"

Nay được sữa chữa như sau: *"...Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*"

THẨM PHÁN

Nơi gửi:
- Các đương sự
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Lưu hồ sơ vụ án

Tạ Thị Ngân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Số: 04/2017/TB-TA	*K, ngày 17 tháng 10 năm 2017*

THÔNG BÁO

(V/V: Sửa chữa, bổ sung quyết định thi hành án hình phạt tù đối với người bị xử phạt tù đang bị tạm giam)

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có sự thiếu sót.

Theo thông báo đính chính bản án số 03/TB- TA ngày 03/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, nay sửa chữa QuyÕt ®Þnh thi hành án hình phạt tù đối với người bị xử phạt tù đang bị tạm giam sè 77/2017/Q§- CA ngµy 26/7/2017 cña Tßa ¸n nh©n d©n huyÖn Gia L©m như sau:

T¹i Mục 1 cña QuyÕt ®Þnh thi hành án nêu trên ®· ghi: "Thi hành án hình phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2017".

Nay ®-îc sửa chữa nh- sau: "Thi hành án hình phạt 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2017".

N¬i nhËn:
- Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện K;
- Së t- ph¸p thành phố Hà Nội.
- Lưu hồ sơ THA.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Xuân Văn